TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2018/HS-PT
Ngày 21 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Đinh Quang Nghĩa;

Ông Nguyễn Thành Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 247/2018/TLPT-HS ngày 10 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo Lương Tấn H và Nguyễn Văn L; do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 271/2018/HS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

- *Các bị cáo bị kháng cáo*:

1. Lương Tấn H, sinh năm 1979 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Tổ A, Khu phố B, phường C, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Thợ làm đá; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn U và bà Phạm Thị G; có vợ tên Lê Thế Ph và có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn L, sinh năm 1990 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú: Ấ D, xã E, huyện F, tỉnh Kiên Giang; nơi tạm trú: Tổ G, Khu phố H, phường

I, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T; có vợ tên Huỳnh Thị Hồng H và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại có kháng cáo*:

Anh Trần Mạnh T, sinh năm 1979; nơi đăng ký thường trú: Số K, khu phố L, phường M, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Số N, Tổ O, Khu phố P, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại không có kháng cáo*:

Anh Nguyễn Hữu V; nơi cư trú: Ấp X, xã Y, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lương Tấn B; có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Trần Văn Ch; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông Tô Đình Ph; vắng mặt tại phiên tòa.

4. Ông Hoàng Văn Th; vắng mặt tại phiên tòa.

5. Ông Trần Văn V; vắng mặt tại phiên tòa.

6. Ông Nguyễn Văn Đ; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Lương Tấn H và anh Trần Mạnh T quen biết nhau. Năm 2012, H mượn anh T 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) nhưng đến nay chưa trả.

Khoảng 19 giờ ngày 25-5-2017, trên đường đi làm về, anh T rủ 03 người bạn cùng làm chung với T gồm Nguyễn Hữu V, Nguyễn Văn Đ và Hoàng Văn Th, đến nhà H để yêu cầu H trả nợ thì hai bên lời qua tiếng lại. H định đi vào nhà thì anh V dùng tay nắm cổ áo H, chặn đường không cho H vào nhà. Lúc này, Lương Tấn B, sinh ngày 28-10-2002 (con trai của H), chạy từ trong nhà ra, trên tay B cầm 01 (một) vỏ chai thủy tinh màu trắng, chạy đến sau lưng anh V,

đập 01 cái trúng đầu anh V làm vỡ chai thủy tinh. Thấy vậy, anh T xông vào can ngăn thì bị H dùng chân, tay đánh anh T và anh V; tiếp theo, Nguyễn Văn L (em rể của H), lấy 01 con dao bằng sắt dài 31cm, rộng 06cm trong nhà của H, chạy ra chém loạn xạ vào nhóm của anh T và chém 01 nhát trúng vào đầu của T. Anh T lùi ra ngoài đường; các anh V, Th và Đ bỏ chạy thì B, L và H đuổi theo nhưng không đuổi kịp. Khi H, B và L quay lại, thấy anh T đang đứng ở lề đường, H lấy chiếc ghế khung sắt ném trúng người anh T, rồi cùng với B và L xông vào đánh anh T thì được mọi người can ngăn, nên anh T chạy thoát. Anh V và anh T được mọi người đưa đi cấp cứu.

2. Giám định:

- Tại Giấy chứng nhận thương tích số: 124/CN2-BVĐN ngày 03-7-2017 của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai; và Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0532/GĐPY/2017 ngày 14-7-2017 của Giám định viên thuộc Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, kết luận anh Trần Mạnh T bị chấn thương tích đầu, chấn thương ngực và bàn chân trái;

+ Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương trán trái nằm trong chân tóc để lại sẹo kích thước 03x0,2cm (áp dụng Chương 9, điều I, mục 1). Tỷ lệ: 03%.

+ Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 03%.

+ Thương tích đầu do vật sắc. Chấn thương ngực và bàn chân trái do vật tày.

- Tại Giấy chứng nhận thương tích số: 122/CN2-BVĐN ngày 29-6-2017 của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai; và Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0533/GĐPY/2017 ngày 14-7-2017 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, kết luận anh Nguyễn Hữu V bị thương tích đầu;

+ Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương vùng trán phải để lại sẹo kích thước 03x0,3cm, xơ dính, đổi màu, xấu về thẩm mỹ (áp dụng Chương 9, điều I, mục 2). Tỷ lệ: 07%.

+ Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 07%.

+ Vật gây thương tích: Vật tày.

3. Vật chứng thu giữ:

01 con dao bằng sắt dài 31cm, rộng 06cm, Nguyễn Văn L sử dụng gây án.

4. Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Nguyễn Hữu V yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 70.500.000 đồng; gồm: Viện phí 04 ngày 15.000.000 đồng; sinh hoạt phí tại bệnh viện 5.000.000 đồng; chi phí thuê người trực, chăm sóc bệnh 15 ngày là 4.500.000 đồng; thiệt hại do phải nghỉ việc 15 ngày 8.000.000 đồng; chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khỏe sau khi xuất viện 5.000.000 đồng; chi phí đi lại khám chữa bệnh 3.000.000 đồng và tổn thất về mặt tinh thần 30.000.000 đồng.

- Anh Trần Mạnh T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 92.000.000 đồng; gồm: Viện phí 04 ngày 15.000.000 đồng; sinh hoạt phí tại bệnh viện 5.000.000 đồng; chi phí thuê người chăm sóc bệnh 15 ngày 5.000.000 đồng; thiệt hại do phải nghỉ việc 15 ngày 20.000.000 đồng; chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khỏe sau khi xuất viện 10.000.000 đồng; chi phí đi lại khám chữa bệnh 3.000.000 đồng; tổn thất về mặt tinh thần 30.000.000 đồng; mắt kính cận 6d 2.500.000 đồng; giày công trường chuyên dụng 1.800.000 đồng và rách áo sơ mi (hiệu Pierre Cardin) 680.000 đồng.

- Trong quá trình xét xử sơ thẩm, mỗi bị cáo đã tự nguyện nộp 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

5. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 271/2018/HS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, đã quyết định như sau:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Xử phạt bị cáo Lương Tấn H 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo Lương Tấn H phải bồi thường cho anh Trần Mạnh T số tiền 10.633.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Hữu V số tiền 29.900.000 đồng.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải bồi thường cho anh Trần Mạnh T số tiền 21.267.000 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ khi thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

6. Kháng cáo:

Bị hại anh Trần Mạnh T kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm nêu trên; với các lý do:

- Việc xét xử các bị cáo 08 tháng tù và cho hưởng án treo là không đúng và chưa nghiêm.

- Về bồi thường dân sự có nhiều khoản không được giải quyết như: Tài sản bị mất và hư hỏng; thiếu phần thu nhập bị mất.

- Vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại rút kháng cáo phần này.

7. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về hình phạt: Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử các bị cáo Lương Tấn H và Nguyễn Văn L về tội "Cố ý gây thương tích" theo Khoản 1, Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, giữa các bị cáo H với bị hại T không có mâu thuẫn gì lớn với nhau; nhưng các bị cáo H và L đã có hành vi cố ý gây thương tích cho bị hại T. Việc cấp sơ thẩm nhận định bị hại T có một phần lỗi và xử phạt bị cáo H 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là chưa nghiêm; đối với bị cáo L cấp sơ thẩm quyết định là phù hợp. Do đó, kháng cáo của bị hại là có cơ sở chấp nhận một phần.

- Về dân sự:

+ Cấp sơ thẩm không tính thu nhập bị mất của bị hại (trong trường hợp thu nhập không thể xác định được) với số tiền 3.000.000 đồng (200.000 đồng x 15 ngày) là không đúng quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 590 của Bộ luật Dân sự; nên yêu cầu của bị hại kháng cáo phần này là có cơ sở chấp nhận.

+ Về phần tài sản bị mất và hư hỏng là không có cơ sở; bởi vì, những tài sản này bị hại không cung cấp được hóa đơn và chứng từ.

- Về nội dung kháng cáo vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm: Tại phiên tòa bị hại đã rút kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

- Căn cứ Điểm a và b, Khoản 1, Điều 355 và Điểm a, Khoản 2, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hình phạt: Chấp nhận kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm và chuyển hình phạt tù treo sang hình phạt tù giam đối với bị cáo Lương Tấn H.

+ Về dân sự: Chấp nhận 01 phần kháng cáo của bị hại Trần Mạnh T, sửa bản án sơ thẩm về phần bồi thường dân sự (thu nhập bị mất của người bị hại).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và áp dụng pháp luật:

- Về tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã mô tả. Xuất phát từ việc bị Lương Tấn H nợ tiền từ năm 2012, anh Trần Mạnh T đến nhà H để đòi nợ; khi gặp nhau, giữa các bên cũng có mâu thuẫn cãi vả nhau. Tuy nhiên, khi bị cáo H định đứng dậy đi vào nhà thì anh Nguyễn Hữu V (người đi theo anh T) mặc dù không liên quan đến việc vay nợ, đã dùng tay nắm cổ áo H và chặn đường không cho H vào nhà; điều này làm người nhà bên phía bị cáo H bức xúc, đã dùng hung khí nguy hiểm tấn công bên bị hại; sau đó, hai bên xảy ra xô xát.

Hậu quả: Lương Tấn B (con bị cáo H) có hành vi dùng vỏ chai thủy tinh, đánh anh Nguyễn Hữu V gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 07% (B chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BH đã xử phạt hành chính); thấy vậy, anh T vào can ngăn thì bị H dùng chân tay đánh, bị cáo Nguyễn Văn L (em rể H) sử dụng 01 con dao bằng sắt dài 31cm, rộng 06cm chém 01 nhát trúng vào đầu anh T; bị cáo H sử dụng chiếc ghế khung sắt ném trúng người anh T gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 03%.

Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo Điểm a, Khoản 1, Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

- Về áp dụng pháp luật:

Cấp sơ thẩm nhận định và áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để giải quyết vụ án là không đúng; bởi lẽ, các điều luật của Bộ luật Hình sự được áp dụng trong vụ án không được sửa đổi, bổ sung vào năm 2009. Do đó, sửa án sơ thẩm về phần này.

[2] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Cấp sơ thẩm xác định: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo đã chủ động liên hệ đề nghị bồi thường cho các bị hại; tuy nhiên, bị hại không đồng ý nhận nên các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục một phần hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, h và p, Khoản 1, Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Việc xác định này của cấp sơ thẩm là đúng.

- Cấp sơ thẩm nhận định: *"bị hại cũng có một phần lỗi trong nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo"* là không có căn cứ; bởi lẽ, tại bút lục số 61, bị cáo H đã khai nhận về việc anh T cho bị cáo mượn tiền vào năm 2012 là xuất phát từ chỗ tình cảm thân tình, không tính lãi và cũng không làm giấy tờ; ngày 16-01-2017 (âm lịch), anh T có đến nhà H hỏi việc nợ nhưng bị cáo H khất lại 3,5 tháng sau; ngày 25-5-2017 xảy ra vụ án, nhà bị cáo H cúng nên có mời một số bạn đến nhậu, trong đó có bị cáo L; trước khi anh T đến đòi nợ thì bị cáo được anh Trần Văn Ch (cán bộ Ủy ban nhân dân phường X) điện thoại thông báo trước vì anh Ch là người quen của cả anh T và bị cáo H. Do đó, việc anh T đến đòi nợ trong giao dịch dân sự là bình thường và xuất phát từ lời hứa trả nợ của bị cáo H; như đã nhận định ở trên, khi gặp nhau, giữa các bên cũng có mâu thuẫn; tuy nhiên, bên phía bị cáo H đã dùng hung khí nguy hiểm tấn công bên bị hại trước.

[3] Xét kháng cáo của bị hại Trần Mạnh T:

3.1. Về hình phạt:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại. Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn; xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, nhận thấy:

- Bị cáo Lương Tấn H là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của hai bên, bản thân thiếu nợ anh T đã lâu không trả, sau khi con mình tấn công bị hại, bị cáo H không can ngăn người nhà, còn xông vào cùng với họ tấn công các bị hại; H cũng tích cực cùng với B và L đuổi theo nhóm bạn anh T để tấn công tiếp nhưng không đuổi kịp; khi quay lại, thấy anh T đang đứng ở lề đường, H lấy chiếc ghế khung sắt ném trúng người anh T, tiếp tục cùng với B và L xông vào

đánh anh T; thể hiện tính quyết liệt của hành vi phạm tội. Do đó, cần phải cách ly bị cáo H ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe và giáo dục bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Văn L thấy người thân của mình đánh nhau nên đã có hành vi bênh vực và hành vi của bị cáo L cũng nguy hiểm; tuy nhiên, bị cáo L là em rể bị cáo H; vì lý do nhân đạo của pháp luật, việc cấp sơ thẩm cho bị cáo L được hưởng án treo là phù hợp.

Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm quyết định mức hình phạt 08 tháng tù là phù hợp; nhưng cho cả hai bị cáo được hưởng án treo là không đủ giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm trong xã hội. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại; giữ nguyên mức hình phạt nhưng không cho bị cáo H được hưởng án treo.

3.2. Về bồi thường dân sự:

- Bị hại có yêu cầu về thu nhập bị mất nhưng không được cấp sơ thẩm xem xét và giải quyết là không đúng quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 590 của Bộ luật Dân sự. Bị hại T là người có việc làm, trong trường hợp thu nhập không thể xác định được, thì áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại, theo hướng dẫn của Điểm a, tiểu mục 1.2, mục 1 phần II của Nghị quyết số: 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Kháng cáo về phần này là có cơ sở, nên được chấp nhận; cấp phúc thẩm quyết định số tiền này như sau: 200.000 đồng x 15 ngày = 3.000.000 đồng; chia đều cho 02 bị cáo phải bồi thường.

- Về phần tài sản bị mất và hư hỏng: Bao gồm mắt kính cận 6d 2.500.000 đồng, giày công trường chuyên dụng 1.800.000 đồng và rách áo sơ mi 680.000 đồng; tổng số tiền là 4.980.000 đồng là không có cơ sở; bởi vì, những tài sản này bị hại không cung cấp được hóa đơn và chứng từ.

3.3. Về nội dung kháng cáo vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm: Bị hại đã rút kháng cáo về phần này nên không xét.

[4] Về án phí:

Căn cứ Khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Bị hại Trần Mạnh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định của bản án này; cụ thể:

+ Bị cáo Lương Tấn H: (10.633.000 đồng + 29.900.000 đồng + 1.500.000 đồng = 42.033.000 đồng) x 5% = 2.101.000 đồng (làm tròn).

+ Bị cáo Nguyễn Văn L (21.267.000 đồng + 1.500.000 đồng = 22.767.000 đồng) x 5% = 1.138.000 đồng (làm tròn).

[5] Đối với phần trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3, Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng cáo của bị hại Trần Mạnh T; về việc yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm.

Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 355 và Khoản 2, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Trần Mạnh T.

Sửa về áp dụng pháp luật, quyết định hình phạt và bồi thường dân sự đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 271/2018/HS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

1. Quyết định hình phạt:

1.1. Áp dụng Điểm a, Khoản 1, Điều 104; Điểm b, h và p, Khoản 1, Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Lương Tấn H 08 (tám) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

1.2. Áp dụng Điểm a, Khoản 1, Điều 104; Điểm b, h và p, Khoản 1, Điều 46; Điều 53 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 08 (tám) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 14-8-2018.

Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh Kiên Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay

đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về bồi thường dân sự:

Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 590 của Bộ luật Dân sự;

- Buộc bị cáo Lương Tấn H phải bồi thường cho anh Trần Mạnh T số tiền 12.133.000 đồng (mười hai triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng);

- Buộc bị cáo Lương Tấn H phải bồi thường cho anh Nguyễn Hữu V số tiền 29.900.000 đồng (hai mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải bồi thường cho anh Trần Mạnh T số tiền 22.767.000 đồng (hai mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

- Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với các số tiền mà các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH, bao gồm:

+ Số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) bị cáo Nguyễn Văn L đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 000259 ngày 26 tháng 7 năm 2018;

+ Số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) bị cáo Lương Tấn H đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 000258 ngày 26 tháng 7 năm 2018.

3. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ và thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được nêu tại Mục 2., phần quyết định của bản án này, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị cáo Lương Tấn H phải nộp 2.101.000 đồng (hai triệu một trăm lẻ một nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 1.138.000 đồng (một triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng).

4.2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị hại Trần Mạnh T không phải chịu.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm về án phí hình sự sơ thẩm và xử lý vật chứng không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố B;
- Nhà Tạm giữ - Công an thành phố B;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an thành phố B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B;
- Các bị cáo (2);
- Các bị hại (2);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ-Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành